

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-PT

Ngày 10-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Thẩm phán:

1. Bà Ngô Thị Bích Diệp.
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 301/2020/TLPT-DS, ngày 22/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2020/QĐXXPT-DS ngày 10/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 347/2020/QĐST-DS ngày 24/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS ngày 14/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1974, địa chỉ: đội 1, ấp 3, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1981, địa chỉ: xã T1, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D (theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020), có mặt.

- Bị đơn: Công ty C, địa chỉ: số 183, đường H, phường P, thành phố T3, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Bảo A, sinh năm 1998, địa chỉ thường trú: số 15/11, ấp T4, xã T5, huyện D1, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ liên hệ: số 600, đường P1, khu phố 2, phường P2, thành phố T3, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của Công ty C (theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2020), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Phước L, luật sư Công ty Luật TNHH MTV C1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, địa chỉ: số 20, đường Nguyễn Hữu Cánh, khu phố 3, phường P2, thành phố T3, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Lê Thị T6, địa chỉ: số 16, tổ 2, khu phố P3, phường P4, thị xã P3, tỉnh Bình Phước, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2020 bà Lê Thị D trình bày: Giữa bà Lê Thị D với Công ty C (gọi tắt: Công ty Cường Quốc) có mối quan hệ mua bán với nhau nhiều lần trước đó. Ngày 17/5/2018 bà D có bán cho Công ty C số lượng hạt điều là 15.115,05kg với số tiền là 3.024.702.885 đồng, số tiền này đã được Công ty C xác nhận bằng Phiếu nhập kho ngày 17/5/2018. Khi nhập kho xong, phía Công ty C không thanh toán ngay số tiền 3.024.702.885 đồng cho bà D, do là chỗ làm ăn lâu ngày với nhau nên bà D cũng đồng ý để cho phía Công ty C thanh toán sau. Đến ngày 21/5/2018 Công ty C mới thanh toán cho bà D số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 22/5/2018 thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng và đến ngày 26/5/2018 thanh toán tiếp số tiền 500.000.000 đồng. Các lần thanh toán này đều thông qua chuyển khoản, số tiền còn lại 524.702.885 đồng cho đến nay phía Công ty C vẫn chưa thanh toán.

Do số tiền nợ đã lâu nên bà D nhiều lần gọi điện thoại, nhiều lần trực tiếp đến trụ sở Công ty C để yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn thiếu nợ nhưng đến nay Công ty C vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại là 524.702.885 đồng cho bà D nên buộc bà D phải khởi kiện Công ty C, cụ thể:

+ Buộc Công ty C phải trả cho bà D số tiền còn lại 524.702.885 đồng.

+ Buộc Công ty C phải trả cho bà D tiền lãi suất 10% năm do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 26/05/2018 đến ngày 24/8/2020 là 26 tháng 28 ngày x 10%/năm x 524.702.885 đồng thành tiền là 117.766.647 đồng.

Tổng số tiền bà D yêu cầu Công ty C phải trả tạm tính 642.469.532 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 22/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn ông Trần Bảo A trình bày: Ngày 17/05/2018 Công ty C có mua 15.115,05kg hạt điều của bà Lê Thị D tổng giá trị tiền hàng là 3.024.702.885 đồng. Sau đó Công ty đã thanh toán với hình thức chuyển khoản là 2.500.000.000 đồng, số tiền còn lại là để Công ty kiểm tra tất cả số hàng mà bà D đã giao có đúng mặt hàng, hình thức đóng gói và chất lượng của lô hàng mà bà D đã bán có đúng với hợp đồng đã thỏa thuận với Công ty hay không thì mới hoàn tất việc thanh toán số tiền còn lại cho bà D.

Tuy nhiên, trong lô hàng mà bà D giao cho Công ty C không đúng với chất lượng hàng hóa mà hai bên đã thỏa thuận. Cụ thể, trong lô hàng giao cho Công ty thì ở lớp đầu của lô hàng bà D xếp loại tốt và đúng với chất lượng hàng trong thỏa thuận hợp đồng, còn ở lớp tiếp theo thì loại hàng không đúng với chất lượng hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng (cả lô hàng 15.115,05 kg). Khi biết số lượng hàng không đúng chất lượng, Công ty nhiều lần thông báo và gọi điện cho bà D đến Công ty để kiểm tra lại hàng hóa cũng như chất lượng số hàng đã giao

nhưng bà D từ chối không đến Công ty để xác nhận về chất lượng của hàng đã giao và không nhận lại số hàng giao không đúng chất lượng.

Do hạt điều là sản phẩm hàng tiêu dùng có thời hạn sử dụng, để lâu sẽ bị hư và hết hạn sử dụng mà phía Công ty C yêu cầu bà D đến xác nhận và nhận lại nhưng bà D từ chối nên buộc Công ty đã bán lô hàng đó với giá rẻ và tổn thất của Công ty đối với lô hàng đó gần 2.000.000.000 đồng. Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện của bị đơn yêu cầu tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người làm chứng*: Bà Lê Thị T6 trình bày vào ngày 15/7/2018 bà Trinh có đến Công ty C mua khoảng 14.115kg hạt điều có chất lượng không phải loại 1, phía Công ty không cung cấp thông tin cho bà Trinh biết số lượng hạt điều này Công ty đã mua của bà D không đảm bảo chất lượng và bà Trinh không biết bà D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 24-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố T3, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D đối với bị đơn Công ty C về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

1.1. Buộc Công ty C có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền cho bà Lê Thị D là 642.469.532 đồng, trong đó: Nợ gốc 524.702.885 đồng, lãi chậm thanh toán là 117.766.647 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/8/2020, Công ty C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cường Quốc; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Cường Quốc, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 524.702.885 đồng tiền mua hạt điều còn thiếu được bị đơn thống nhất thừa nhận vào ngày 17/5/2018, Công ty C có thu mua 15.115,05kg hạt điều của bà Lê Thị D tổng giá trị thành tiền là 3.024.702.885 đồng. Công ty C đã thanh toán được 2.500.000.000 đồng và Công ty còn nợ lại bà D số tiền 524.702.885 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự như bản án sơ thẩm là đúng.

[4] Bị đơn Công ty C kháng cáo cho rằng trong lô hàng nguyên đơn bà D giao cho Công ty C không đúng với chất lượng hàng hóa mà hai bên đã thỏa thuận. Cụ thể ở lớp đầu của lô hàng nguyên đơn bà D xếp loại hạt điều tốt và đúng với chất lượng hàng trong thỏa thuận hợp đồng, còn ở lớp tiếp theo nguyên đơn bà D xếp loại hạt điều không tốt, không đúng với chất lượng hạt điều hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho nên Công ty C phải bán lô hạt điều với giá rẻ, gây thiệt hại đến quyền lợi của Công ty gần 2.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện cho bị đơn Công ty C trình bày sau ngày 28/5/2018, sau khi kiểm tra hạt điều phát hiện loại hạt điều không đảm bảo chất lượng, Công ty có gọi điện thoại thông báo cho bị đơn bà D biết để đến Công ty xử lý nhận lại hạt điều nhưng bà D không đến Công ty C để nhận lại số hạt điều kém chất lượng nên Công ty phải bán số hạt điều kém chất lượng này cho người khác với giá rẻ, chỉ nói miệng, không lập biên bản số lượng hạt điều kém chất lượng.

Căn cứ khoản 2 Điều 318 Luật Thương mại 2005 quy định về thời hạn khiếu nại. “Sáu tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về chất lượng hàng hoá; trong trường hợp hàng hoá có bảo hành thì thời hạn khiếu nại là ba tháng, kể từ ngày hết thời hạn bảo hành”.

Tại phiên tòa người làm chứng xác nhận có mua hạt điều của Công ty C vào ngày 15/7/2018, nhưng phía Công ty C không cung cấp thông tin là hạt điều kém chất lượng do bà D đã bán cho Công ty vào ngày 17/5/2018, hai bên không tiến hành kiểm tra lại chất lượng hạt điều.

Như vậy, kể từ thời điểm Công ty C nhận hàng của bà D vào ngày 17/5/2018 đến ngày 27/5/2018 phát hiện hạt điều do bà D bán kém chất lượng, Công ty C không có văn bản nào phản hồi đối với người cung cấp bà Lê Thị D về hàng hóa kém chất lượng và không có chứng cứ khiếu nại đến cơ quan chuyên môn có thẩm quyền về hàng hóa kém chất lượng. Tại phiên tòa bị đơn không xuất trình được chứng mới cho nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty C như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35, 39, 266, 269, 271, 273 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 55, 306, 318 của Luật Thương mại.

- Căn cứ Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T3, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D đối với bị đơn Công ty C về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

1.2 Buộc Công ty C có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị D 642.469.532 đồng, trong đó: nợ gốc 524.702.885 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 117.766.647 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty C phải nộp 29.698.781 đồng. Bà Lê Thị D không phải nộp. Hoàn trả bà Lê Thị D số tiền 7.296.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016- 0041853 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T3, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty C phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0050344 ngày 08/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T3, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP T3;
- TAND thành phố T3;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tâm